

Số: ~~1445~~ /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác dân số và phát triển giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh về Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số ngày 27 tháng 12 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Truyền thông dân số đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đẩy mạnh công tác dân số và phát triển giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án “Đẩy mạnh công tác dân số và phát triển giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” tỉnh Thừa Thiên Huế.

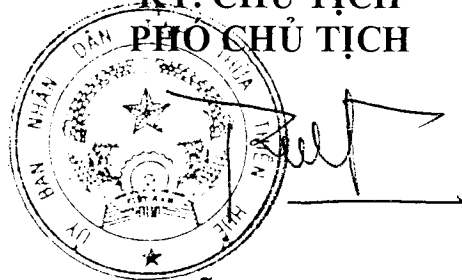
Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 853/2009/QĐ-UBND ngày 24/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2009-2015 và định hướng đến 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; các thành viên Ban chỉ đạo Dân số và Kế hoạch hóa Gia đình tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXH, HĐND tỉnh;
- VP: LĐ, các CV;
- Lưu: VT, VH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình



ĐỀ ÁN

**Đẩy mạnh công tác dân số và phát triển giai đoạn 2021-2025,
định hướng đến năm 2030 của tỉnh Thừa Thiên Huế**
*(Kèm theo Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Phần I

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA
GIA ĐÌNH GIAI ĐOẠN 2009-2020**

**I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH
HÓA GIA ĐÌNH GIAI ĐOẠN 2009-2020**

1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân:

a) Những kết quả đạt được:

Sau 25 năm thực hiện Nghị quyết lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) “về chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình”, 15 năm thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá IX) “về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình” (DS-KHHGD) và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, công tác DS-KHHGD trên địa bàn tỉnh đã đạt được kết quả quan trọng:

- Các cấp uỷ đảng, chính quyền toàn tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số. Công tác DS-KHHGD đã trở thành nội dung quan trọng trong nghị quyết, kế hoạch, chương trình hoạt động hằng năm và nhiệm kỳ của các cấp uỷ đảng, chính quyền toàn tỉnh, xem đây là một tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của địa phương, đơn vị. Các cấp uỷ đảng, chính quyền đã phân công đồng chí cấp uỷ phụ trách; thường xuyên giám sát, kiểm tra tình hình; chỉ đạo thực hiện khá quyết liệt các giải pháp nhằm đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Đa số cán bộ, đảng viên, nhất là trong các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể đã gương mẫu, tự giác trong việc thực hiện; đồng thời, tuyên truyền, vận động gia đình và quần chúng nhân dân thực hiện chính sách DS-KHHGD.

- Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục được triển khai tích cực, có sự đổi mới về nội dung, kết hợp nhiều loại hình tuyên truyền, ngày càng hướng về cơ sở, phù hợp với từng vùng, từng đối tượng và yêu cầu, nhiệm vụ của công tác dân số trong từng thời kỳ. Trong tuyên truyền, vận động đã có sự phối hợp tích cực và hiệu quả của các ban, ngành, đoàn thể và huy động được đông đảo lực lượng xã hội tham gia. Nội dung về DS-KHHGD đã được lồng ghép vào các phong trào thi đua, các cuộc vận động của các ban, ngành, đoàn thể và trong các quy ước, hương ước của thôn, bản, tổ dân phố, cơ quan văn hoá trên địa bàn tỉnh. Từ đó, nhận thức,

trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, ý thức, hành vi của cán bộ, đảng viên và người dân về công tác dân số đã có sự chuyển biến rõ nét.

- Nội dung về DS-KHHGD, sức khoẻ sinh sản trong và ngoài nhà trường ngày càng được chú trọng, tổ chức với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, hấp dẫn, qua đó, góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng về chăm sóc sức khoẻ sinh sản và các vấn đề liên quan cho đối tượng vị thành niên, thanh niên, góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, giá trị đạo đức, văn hoá cho thế hệ trẻ.

- Ban Chỉ đạo công tác DS-KHHGD từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở được thành lập từ năm 2009, không ngừng được củng cố, kiện toàn, phát huy vai trò trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện tốt chính sách DS-KHHGD.

- Tổ chức bộ máy về dân số được củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu lực quản lý và điều hành. Trước năm 2008, tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em ổn định, hoạt động có hiệu quả. Năm 2008, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh được thành lập (trực thuộc Sở Y tế), nhanh chóng ổn định về mặt tổ chức, cán bộ. Công tác DS-KHHGD tiếp tục được duy trì từ cấp tỉnh đến cơ sở. Từ đó đến nay, ngành y tế, dân số đã thực hiện tốt việc quản lý, điều hành theo chương trình mục tiêu quốc gia, tiếp tục áp dụng cơ chế phân cấp và phối hợp liên ngành có hiệu quả cao được khẳng định trong thời gian vừa qua. Công tác kiểm tra, giám sát của đơn vị được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác DS-KHHGD các cấp và đội ngũ cộng tác viên làm công tác viên DS-KHHGD thôn, bản, tổ dân phố có sự phát triển về số lượng, chất lượng hoạt động được nâng lên. Hiện nay, tại các xã, phường, thị trấn cơ bản bố trí đủ đội ngũ dân số viên (ngoại trừ một số đơn vị có cán bộ nghỉ hưu, chuyển công tác,... đang chờ được tuyển dụng). Tại các thôn, bản, tổ dân phố có 2.090 cộng tác viên dân số hoạt động ngày càng hiệu quả, nhất là trong việc tư vấn, tuyên truyền, vận động trực tiếp tại cộng đồng, phân phối phương tiện tránh thai phi lâm sàng; thu thập, cập nhật thông tin biến động về DS-KHHGD,...

- Các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình được mở rộng, ngày càng nâng cao về chất lượng. Tất cả các bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố, phòng khám khu vực thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn về chăm sóc sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình. 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ, nữ hộ sinh, nhân viên y tế cơ sở,... Hầu hết nữ hộ sinh được đào tạo và có kỹ năng cơ bản về kế hoạch hoá gia đình, sức khoẻ sinh sản theo chuẩn quốc gia. Ngoài ra, một số cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn đã góp phần vào việc cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, trong đó có dịch vụ kế hoạch hoá gia đình cho người dân.

- Ngân sách đầu tư cho công tác DS-KHHGD được tăng cường, năm sau cao hơn năm trước, đảm bảo tốt việc triển khai các hoạt động từ tỉnh đến cơ sở. Năm 2009, tổng kinh phí ngân sách địa phương đầu tư cho công tác DS-KHHGD là hơn 2.655.000 đồng, đến năm 2020 đạt 14.745.000 đồng. Tại cấp huyện và cấp xã hàng

năm đều bố trí một phần ngân sách cho các hoạt động dân số, thực hiện đầy đủ chế độ khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách DS-KHHGD.

- Các chính sách, chế độ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách, cộng tác viên dân số luôn được đảm bảo. Tỉnh đã bố trí biên chế cho cán bộ chuyên trách dân số là viên chức thuộc trạm y tế xã và được hưởng các chế độ chính sách theo quy định của nhà nước. Đối với đội ngũ cộng tác viên dân số tổ, thôn, bản được hưởng mức phụ cấp 0,2/người/tháng so với mức lương cơ sở từ nguồn ngân sách của tỉnh.

- Các chương trình, dự án nâng cao chất lượng dân số được tích cực triển khai, ưu tiên cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển, vùng khó khăn, vùng tái định cư và các nhóm đối tượng thiệt thòi, yếu thế,... ngày càng phát huy tác dụng trong cộng đồng. Đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

* Những kết quả cụ thể:

- Tốc độ gia tăng dân số đã được khống chế thành công. Cơ cấu dân số chuyển dịch tích cực. Dân số trong độ tuổi lao động tăng mạnh, tỉnh ta đang ở thời kỳ dân số vàng.

+ Về quy mô dân số: Tỷ lệ tăng tự nhiên tăng dân số đã giảm từ 1,1% (năm 2009) xuống 1,08% (năm 2020). Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên năm 2009 là 19,4% giảm xuống còn 15,7% năm 2020. Số con trung bình mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã giảm từ 2,5 con (năm 2005) xuống 2,26 con (năm 2009) và tăng trở lại năm 2019 là 2,34 con, tăng 0,08 con so với năm 2009 là 2,19 con.

+ Về cơ cấu dân số: Cơ cấu dân số chuyển dịch tích cực, làm giảm gánh nặng dân số phụ thuộc, tăng mạnh số lượng và tỷ trọng của dân số trong độ tuổi lao động, góp phần phát triển kinh tế, xã hội.

- Tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi giảm từ 27,5% năm 2009 xuống còn 24,2% năm 2019 (tỷ trọng chung toàn quốc năm 2019 là 24,3%); tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động 15 - 64 tuổi tăng từ 64,5% năm 2009 lên 66,5% năm 2019 (tỷ trọng chung toàn quốc năm 2019 là 68%); tỷ trọng dân số 65 tuổi trở lên từ 8,0% năm 2009 tăng lên 9,3% năm 2019 (tỷ trọng chung toàn quốc năm 2019 là 7,7%).

- Chất lượng dân số của tỉnh trong những năm qua đã được cải thiện về nhiều mặt. Tuổi thọ trung bình tăng từ 70,5 tuổi năm 2009 lên 71,8 tuổi năm 2019 và năm 2020 là 72 tuổi (tuổi thọ trung bình toàn quốc tăng từ 72,8 tuổi năm 2009 lên 73,6 tuổi năm 2019). Tình trạng suy dinh dưỡng, tử vong trẻ em giảm mạnh. Năm 2005, tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ dưới 5 tuổi là 23%, năm 2019 giảm xuống còn 7,2%. Tỷ suất chết trẻ em dưới 01 tuổi ở mức 4,41‰ năm 2005 giảm còn 1,89‰ năm 2019. Hiện nay, có 98,76% trẻ em được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin, 100% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ khám chữa bệnh miễn phí.

- Dân số đã có sự phân bố hợp lý hơn, gắn với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện. Hiện nay, tỷ trọng dân số vùng đô thị đạt 49,5% (tỷ trọng chung toàn quốc năm 2019 là 34,4%). Sau 10 năm, tỷ lệ dân số khu vực thành thị tăng 42,8% (năm 2009 có 391.112 người). Trong 10 năm qua, quá trình đô thị hóa tại tỉnh Thừa Thiên Huế tăng nhanh, có 02 huyện được nâng cấp thành thị xã (thị xã Hương Thủy và thị xã Hương Trà), xã Phú Đa của huyện Phú Vang được nâng cấp thành thị trấn Phú Đa đã làm cho dân số khu vực thành thị của tỉnh tăng mạnh.

- Người dân tộc thiểu số, nhóm dân cư yếu thế được nhà nước chăm lo, hỗ trợ, tạo điều kiện tiếp cận bình đẳng trong giáo dục, y tế, an sinh xã hội. Theo kết quả tổng điều tra dân số năm 2019, có 55.102 người thuộc dân tộc khác chiếm 4,9% tổng dân số toàn tỉnh. Địa bàn sinh sống của nhóm dân tộc khác tập trung chủ yếu là ở hai huyện miền núi Nam Đông và A Lưới, trong đó dân tộc khác đông dân nhất là dân tộc Tà ôi với 34.967 người chiếm 63,5%; dân tộc Cơ Tu với 16.719 người chiếm 30,3% trong tổng số người thuộc dân tộc khác; các dân tộc khác còn lại chiếm 5,2%.

(Nguồn số liệu: Theo kết quả Tổng điều tra dân số 01/4/2019: Cục Thống kê và Chi cục DSKHHGD và Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố).

b) Nguyên nhân của những kết quả đạt được: Các cấp ủy đảng, chính quyền đã nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí của công tác dân số, qua đó, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức học tập, quán triệt và cụ thể hoá, tổ chức thực hiện các các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Trong thực hiện đã có sự phối hợp chặt chẽ, tích cực của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và sự hưởng ứng mạnh mẽ của người dân. Bên cạnh đó, sự tận tụy, tích cực của đội ngũ cán bộ, viên chức ngành y tế, dân số đã góp phần tạo nên những kết quả về công tác dân số trong những năm qua.

2. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân:

a) Những hạn chế, khó khăn:

- Chưa đạt chỉ tiêu về mức sinh thay thế: Số con trung bình của phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ năm 2009 là 2,26 con, chỉ tiêu của Nghị quyết 35-NQ/TU đưa ra là 2,2 con. Tổng tỷ suất sinh của tỉnh Thừa Thiên Huế theo Tổng điều tra Dân số và nhà ở năm 2019 là 2,34 con, thuộc nhóm 33 tỉnh, thành có tổng tỷ suất sinh cao nhất toàn quốc (toàn quốc là 2,09 con/phụ nữ).

- Mức sinh, tỷ suất sinh và tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm chậm, không đồng đều giữa các vùng, miền và đang có chiều hướng tăng trở lại ở một số địa phương.

- Tỷ số giới tính khi sinh toàn tỉnh còn ở mức mất cân đối và là một trong số các tỉnh, thành có tỷ số giới tính khi sinh cao (năm 2019: 112,8 bé trai/100 bé gái, năm 2020: 109,5 bé trai/100 bé gái; tỷ lệ chung toàn quốc năm 2019 là 111,5 bé trai/100 bé gái).

- Dân số phân bố không đồng đều và có sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị, miền núi và đồng bằng. Biến động cơ học về dân số của tỉnh ngày càng lớn, chủ yếu là xuất cư, vấn đề quản lý nhập cư, di cư vẫn còn nhiều bất cập.

- Tốc độ già hoá dân số của tỉnh diễn ra khá nhanh. Năm 2009, tỷ lệ người 60 tuổi trở lên chiếm 10,3% tổng dân số, đến nay chiếm 13,6% tổng số dân. Tỷ lệ người cao tuổi tăng cao nhưng chế độ an sinh xã hội chưa đảm bảo, các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi vẫn còn thiếu.

- Cơ cấu dân số vàng mang đến nhiều cơ hội trong phát triển kinh tế, xã hội nhờ lực lượng lao động dồi dào nhưng đi kèm với nó là khó khăn trong việc tạo việc làm ổn định, thu nhập cao.

- Dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản, kế hoạch hoá gia đình ở một số nơi, nhất là miền núi, chưa được đáp ứng thường xuyên; tiếp thị xã hội và các thị trường tự do các biện pháp tránh thai còn khó khăn; các biện pháp tránh thai chưa đáp ứng được hết các nhu cầu của người dân theo hướng đa dạng, thuận tiện.

- Tình trạng cán bộ, đảng viên vi phạm chính sách DS-KHHGD vẫn còn diễn ra ở một số nơi đã ảnh hưởng đến việc tuyên truyền, vận động trong nhân dân.

- Tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vẫn còn tồn tại ở hai huyện Nam Đông, A Lưới. Tình trạng nạo phá thai, nhất là phá thai ở độ tuổi vị thành niên, thanh niên đang có xu hướng gia tăng.

b) Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế:

- Một số cấp uỷ đảng, chính quyền, nhất là cấp cơ sở có lúc, có nơi còn thiếu sâu sát; có biểu hiện bàng lòng với những kết quả đạt được, buông lỏng, thiếu kiểm tra, đôn đốc công tác DS-KHHGD.

- Công tác dân số còn nặng về kế hoạch hoá gia đình, các nội dung về cơ cấu dân số, phân bố dân số, nâng cao chất lượng dân số, dân số trong phát triển kinh tế, xã hội chưa được chú trọng đúng mức.

- Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục tuy đã có sự đổi mới nhưng chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Công tác tư vấn, vận động trực tiếp của đội ngũ cán bộ cơ sở còn thiếu chiều sâu, chưa thường xuyên tiếp cận với nhóm đối tượng đặc thù.

- Một bộ phận cán bộ chuyên trách, cộng tác viên dân số còn hạn chế về năng lực, chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra.

- Nguồn lực đầu tư cho công tác DS-KHHGD có xu hướng giảm dần, không còn ngân sách của Trung ương đã ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ từ tỉnh đến cơ sở.

II. TÍNH CẤP THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN “ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030”

Sau hơn 25 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) về "Chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình"

(DS-KHHGD), 15 năm thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW, ngày 22/3/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về "Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách DS-KHHGD" và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới cùng với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, công tác DS-KHHGD trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh: Quy mô dân số ổn định; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm qua các năm; cơ cấu dân số vàng với lực lượng lao động dồi dào đã đem đến nhiều cơ hội về phát triển kinh tế, xã hội; quy mô gia đình ít con dần được xã hội chấp thuận; chất lượng dân số từng bước được nâng lên.

Tuy nhiên, công tác DS-KHHGD trên địa bàn tỉnh còn đứng trước nhiều khó khăn, hạn chế: Quy mô dân số lớn, tổng tỷ suất sinh năm 2019 là 2.34 con, thuộc nhóm 33 tỉnh, thành có tổng tỷ suất sinh cao nhất toàn quốc, chưa đạt mức sinh thay thế và còn tiếp tục gia tăng, chất lượng dân số chưa cao, mức sinh và tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên có giảm nhưng chưa thật sự vững chắc, đồng đều giữa các vùng, miền. Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh vẫn còn cao so với mặt bằng chung của cả nước; tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại các huyện miền núi có xu hướng tăng trở lại; tốc độ già hoá dân số đang diễn ra khá nhanh, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ người người cao tuổi, an sinh xã hội đang đặt ra một số vấn đề bức thiết; cơ cấu dân số vàng mang đến nhiều cơ hội nhưng cũng không ít khó khăn trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm ổn định, thu nhập cao,... Mặt khác, cũng như thực trạng chung của cả nước, công tác dân số của Thừa Thiên Huế trong những năm qua chủ yếu tập trung vào nội dung kế hoạch hoá gia đình, các nội dung về cơ cấu, phân bố, nâng cao chất lượng dân số chưa được chú trọng đúng mức.

Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 về "Công tác dân số trong tình hình mới" (gọi tắt là Nghị quyết số 21-NQ/TW), trong đó nêu rõ quan điểm: "Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác dân số là nhiệm vụ chiến lược, vừa cấp thiết vừa lâu dài; là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân; Tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển". Đồng thời, xác định mục tiêu "Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững". Nhằm quán triệt sâu sắc và triển khai đầy đủ Nghị quyết số 21, ngày 22/11/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1679/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 với mục tiêu tổng quát là "Duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự

nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững'. Tại Thừa Thiên Huế, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế và hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 21-NQ/TW và Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

Vì vậy, xây dựng Đề án “Đẩy mạnh công tác dân số và phát triển giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” là hết sức cần thiết nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết 21-NQ/TW và Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu: Nghiên cứu về công tác dân số trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới để thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “Công tác dân số trong tình hình mới” và Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Nhiệm vụ:

- Đánh giá thực trạng công tác dân số trên địa bàn tỉnh trong những năm qua (kết quả đạt được; hạn chế, yếu kém và nguyên nhân).

- Đề ra những nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, có tính khả thi để thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh: Đẩy mạnh công tác dân số và phát triển giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Đối tượng áp dụng: Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và mọi công dân Việt Nam sống và làm việc trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

V. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở lý luận: Con người là vốn quý nhất của xã hội. Dân số tạo ra nguồn nhân lực cho xã hội, phản ánh tiềm lực phát triển của mỗi đất nước. Các vấn đề về dân số có tác động trực tiếp tới nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội. Do đó, công tác dân số được coi là một trong những vấn đề quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia, dân tộc. Nếu công tác dân số được giải quyết tốt sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy sự phát triển bền vững. Vì vậy, bất cứ giai đoạn nào hay bất kỳ quốc gia nào trên thế giới cũng đặt ra và chú trọng thực hiện công tác dân số, coi đó là nhiệm vụ quan trọng của toàn xã hội.

2. Cơ sở chính trị, pháp lý:

a) Cơ sở chính trị:

- Nhận thức rất sâu sắc tầm quan trọng của công tác dân số đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta đã rất chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số. Văn kiện các kỳ Đại hội Đảng luôn đề cập tới vấn đề này, đồng thời, Đảng đã cụ thể hóa tinh thần chỉ đạo của các kỳ Đại hội bằng nhiều văn bản. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) đã ban hành Nghị quyết 04-NQ/HNTW “về chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình”. Trong đó nêu rõ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đối với công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình. Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết 04-NQ/HNTW, Bộ Chính trị (khoá IX) đã ban hành Nghị quyết 47-NQ/TW, ngày 22/3/2005 “về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình”; tiếp đó, Bộ Chính trị (khoá X) đã có Kết luận 44-KL/TW về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW.

- Quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng ta về công tác dân số, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã có nhiều văn bản triển khai thực hiện, định hướng, chỉ đạo về công tác dân số trên địa bàn tỉnh. Trong Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh qua các thời kỳ, các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số đã được nêu rõ. Nghị quyết 35-NQ/TU, ngày 21/9/2005 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về triển khai thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW nhấn mạnh: “Thực sự coi công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình là bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, là yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống”.

- Thực hiện Kết luận 44-KL/TW, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã có Công văn 822-CV/TU, ngày 03/7/2009, yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể trong tỉnh “Tiếp tục và tích cực thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết 35-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã đề ra...”; ban hành Chỉ thị 28-CT/TU, ngày 26/7/2013 “về tăng cường sự lãnh đạo công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình trong tình hình mới”. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các ban, ngành, đoàn thể các cấp đã ban hành nhiều văn bản để triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương và Tỉnh uỷ, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hoạt động về công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

- Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội XII và trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác dân số hiện nay của nước ta trong bối cảnh tình hình mới, Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) đã ban hành Nghị quyết số 21 về “Công tác dân số trong tình hình mới”. Tỉnh uỷ Thừa Thiên Huế đã ban hành Kế hoạch số 71-KH/TU, ngày 24 tháng 4 năm 2018 về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW và UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 13/6/2018 về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số

2014/QĐ-UBND, ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030. Vì vậy, UBND tỉnh xây dựng đề án về công tác dân số trong tình hình mới nhằm thực hiện Nghị quyết số 21, Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và đặc biệt nhằm thay thế Nghị quyết 7c/2009/NQCD-HĐND ngày 09/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa V về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2009 - 2015, định hướng đến năm 2020 hết hiệu lực.

b) Cơ sở pháp lý:

- Pháp lệnh về Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003;
- Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số ngày 27 tháng 12 năm 2008;
- Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;
- Nghị quyết số 137/NQ-CP, ngày 31 tháng 12 năm 2017 ban hành Chương trình hành động của Chính Phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;
- Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đẩy mạnh công tác dân số và phát triển giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về xử lý kỷ luật đảng viên;
- Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;
- Quyết định 486/QĐ-TTg ngày 23/03/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016- 2025;
- Quyết định số 1619/QĐ-BYT, ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Bộ Y tế về ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính Phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;
- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;
- Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam;

- Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030;
- Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Truyền thông dân số đến năm 2030;
- Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030";
- Quyết định số 1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030;
- Quyết định số 2324/QĐ-BYT ngày 05/6/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030;
- Quyết định số 2235/QĐ-BYT ngày 29/5/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030;
- Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030;
- Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030;
- Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/4/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Chỉ thị 28-CT/TU, ngày 26/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế (khoá XIV) “về tăng cường sự lãnh đạo công tác DS-KHHGD trong tình hình mới”;
- Kế hoạch số 71-KH/TU, ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới;
- Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 13/6/2018 về triển khai Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

- Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về triển khai Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ KHHGĐ, sức khỏe sinh sản đến năm 2030;

- Quyết định số 84/2017/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế “Quy định một số chính sách về DS-KHHGĐ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”;

- Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về thực hiện Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2025;

- Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về khám sàng lọc một số bệnh ung thư và tim mạch tại tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2019-2021;

- Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh về triển khai Đề án tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ DS-KHHGĐ cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2021- 2025;

- Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 của tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình Truyền thông dân số của tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

- Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi của tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.

3. Cơ sở thực tiễn: Nếu như trước đây, cũng như tình hình chung của cả nước, công tác dân số của tỉnh chú trọng nội dung về “kế hoạch hoá gia đình”, tức là chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ về giảm sinh, ổn định quy mô dân số, sinh đẻ có kế hoạch. Thì nay, trước những yêu cầu đặt ra trong thực tiễn về nâng cao chất lượng cuộc sống con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, đòi hỏi công tác dân số phải có sự đổi mới. Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã khẳng định sự chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển. Do đó, công tác dân số tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian tới phải hướng đến các mục tiêu toàn diện và đồng bộ hơn. Chính sách về dân số phải giải quyết các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, nâng cao chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh.

Phần II

**NỘI DUNG ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030****I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1. Mục đích:**

- Xác định rõ các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu đề các sở, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, của các bộ, ngành Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đối với Nghị quyết số 21-NQ/TW.

- Tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, của cả hệ thống chính trị và nhân dân đối với công tác dân số trong tình hình mới.

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước trong việc tiếp tục chuyên trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển.

- Khắc phục những hạn chế, tồn tại trong công tác dân số thời gian qua, đảm bảo thực hiện đạt mục tiêu Nghị quyết số 21-NQ/TW và Nghị quyết của HĐND tỉnh đề ra, góp phần phát triển đất nước nhanh và bền vững.

2. Yêu cầu:

- Tổ chức nghiên cứu, quán triệt các nội dung phù hợp với từng đối tượng, từng cấp, từng ngành để cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm vững, hiểu rõ những quan điểm, nội dung cơ bản của Nghị quyết số 21-NQ/TW. Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt phải nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức.

- Cụ thể hóa để thực hiện đầy đủ, toàn diện và đồng bộ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 21-NQ/TW.

- Các cơ quan chuyên ngành dân số từ tỉnh đến cơ sở chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp xây dựng, cụ thể hóa thành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số, phân bố dân cư và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý và tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm sinh, tiến tới đạt mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý; nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Các mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- a) Quy mô dân số: 1.152.000 người.
- b) Giảm sinh: 0,2‰/năm; tổng tỷ suất sinh đạt 2,24 con/phụ nữ.
- c) Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên xuống còn: 12,5%.
- d) Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15 - 49 tuổi) đang sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 73%.
- đ) Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70%.
- e) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 50%.
- g) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70%.
- h) Giảm tỷ lệ tảo hôn xuống 3%; cơ bản xóa bỏ hôn nhân cận huyết thống.
- i) Tuổi thọ trung bình của người dân đạt 73 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe tối thiểu 67 năm.
- k) Phân đầu 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

l) Tỷ số giới tính khi sinh đạt dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

m) Tỷ lệ dân số đô thị đạt 62 - 65%.

2.2. Các chỉ tiêu định hướng đến năm 2030:

- a) Quy mô dân số: 1.178.000 người.
- b) Giảm sinh: 0,15‰/năm; tổng tỷ suất sinh đạt 2,1 con/phụ nữ.
- c) Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên xuống còn: 10%.
- d) Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15 - 49 tuổi) đang sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 75%.
- đ) Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%.
- e) Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 70%.
- g) Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất đạt 90%.
- h) Giảm tỷ lệ tảo hôn xuống 1%; không còn hôn nhân cận huyết thống.

i) Tuổi thọ trung bình của người dân đạt 74 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe tối thiểu 68 năm.

k) 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

l) Tỷ số giới tính khi sinh đạt dưới 108 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

m) Tỷ lệ dân số đô thị đạt 65 - 70%.

(Có phụ lục I đính kèm)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp đối với công tác dân số trong tình hình mới:

a) Các sở, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Tổ chức học tập, quán triệt và phổ biến nội dung Nghị quyết số 21-NQ/TW và Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 đến các cơ quan, địa phương, tổ chức Đảng các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức và tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển.

- Xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch hành động thực hiện công tác dân số trong tình hình mới trên cơ sở cụ thể hoá các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết số 21-NQ/TW; Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số và phát triển giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số. Đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp.

- Lồng ghép các mục tiêu dân số và phát triển vào nội dung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do sở, ngành, địa phương chủ trì xây dựng và thực hiện.

- Đưa dân số thành một chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn và nghiên cứu khoa học tại các trường, cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, đề án, dự án về dân số và phát triển phù hợp với tình hình thực tế của từng ngành, địa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, đặc biệt là cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, không lựa chọn giới tính khi sinh, toàn dân phát huy và chăm sóc người cao tuổi, nâng cao chất lượng dân số.

- Phối hợp Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, các đoàn thể và cả cộng đồng tham gia mạnh mẽ công tác dân số. Xây dựng chương trình, kế hoạch với các nhiệm vụ, biện pháp cụ thể; phân công trách nhiệm rõ ràng đối với từng ngành, cơ quan, đoàn thể.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá thi đua, khen thưởng kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Sở Y tế

- Chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch, nội dung, phương thức triển khai việc học tập, quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW.

- Cung cấp thông tin, số liệu về tình hình dân số cho Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thông tấn, báo chí để tổ chức tuyên truyền rộng rãi, thường xuyên, liên tục về công tác dân số trong tình hình mới theo định hướng tại Nghị quyết của HĐND tỉnh về tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số và phát triển giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

c) Sở Văn hóa và Thể thao: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng, các tiêu chí, quy định cụ thể đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chủ trương, chính sách dân số, nhất là vận động mỗi gia đình dừng lại 2 con để nuôi dạy con tốt, kính già, yêu trẻ, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc; tạo mọi điều kiện để người cao tuổi tham gia lao động phát triển kinh tế theo năng lực sở trường phù hợp; xây dựng các phong trào văn hóa, thể dục - thể thao cho tất cả mọi người dân được tham gia; tạo mọi điều kiện để chăm sóc người già tại gia đình và cộng đồng một cách tốt nhất.

2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số:

a) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, bám sát các chỉ đạo của Trung ương xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Đề án của Chính phủ về công tác dân số, tập trung các nội dung sau:

- Mở rộng toàn diện nội dung truyền thông, giáo dục ca về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội; duy trì mức sinh thay thế, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, tận dụng, phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ nên có 02 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Xây dựng nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động phù hợp với thực trạng mức sinh của từng vùng, đối tượng theo hướng; sinh ít con hơn ở vùng có mức sinh cao, sinh đủ 02 con ở những nơi có mức sinh thấp, duy trì mức sinh thay thế trên toàn tỉnh.

- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về bình đẳng giới, nêu cao vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội; chú trọng truyền thông về thực trạng, nguyên nhân và hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh, tạo dư luận xã hội phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi và ủng hộ người phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này. Tuyên truyền nâng cao đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ y tế, chấm dứt tình trạng lạm dụng khoa học công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức, tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỷ số giới tính khi sinh cao.

- Tập trung tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, hiệu quả của việc thực hiện các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số. Vận động mọi thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh. Nâng cao nhận thức về tác hại, hệ lụy, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cấm tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Truyền thông vận động, tạo phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý. Tổ chức các cuộc thi thể dục, thể thao quần chúng, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân ở mọi lứa tuổi tham gia. Chú trọng nêu gương những cá nhân, gia đình điển hình.

- Vận động và phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng tham gia tuyên truyền; lồng ghép vào các hoạt động sinh hoạt của cộng đồng, văn hóa dân gian, hương ước, quy ước của cộng đồng, tiêu chuẩn thôn, bản, tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa.

- Đổi mới toàn diện và đa dạng các hình thức, phương pháp truyền thông phù hợp từng nhóm đối tượng. Đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng ở trung ương, địa phương; tập trung khai thác, phát triển những lợi thế của công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và các cộng tác viên dân số.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu đưa nội dung tuyên truyền giáo dục về công tác dân số vào chương trình học tập của các bậc học phổ thông trên địa bàn, giáo trình giảng dạy của Trường Chính trị tỉnh, các Trường Trung cấp và Đại học.

b) Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các sở, ngành, địa phương chỉ đạo các cơ quan báo chí đưa công tác Dân số và phát triển là một trong những nội dung thường xuyên, liên tục được truyền tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, là thông điệp truyền thông chủ yếu của đội ngũ tuyên truyền viên, cộng tác viên, tạo sức lan toả sâu rộng trong toàn xã hội.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Theo định hướng, chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng và ban hành Đề án đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh, sinh viên, đặc biệt là giáo dục phổ thông, vùng đồng bào dân tộc ít người; bảo đảm hình thành kiến thức và kỹ năng sống đúng đắn có hệ thống cho thế hệ trẻ.

- Thực hiện đa dạng các loại hình giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, giới và giới tính; phối hợp cùng Sở Y tế tổ chức cung cấp dịch vụ thân thiện cho vị thành niên, thanh niên trong và ngoài nhà trường.

3. Hoàn thiện cơ chế chính sách và thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách về công tác dân số:

a) Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh Đề án xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về công tác dân số trong tình hình mới. Nội dung dự thảo nghị quyết tập trung vào một số biện pháp, cơ chế, chính sách thực hiện công tác dân số đến năm 2030 và những năm tiếp theo; các chính sách khuyến khích tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số; về nguồn lực hỗ trợ để thực hiện thắng lợi các mục tiêu của nghị quyết.

- Triển khai Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 - 2025 của tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và các đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Kế hoạch của Bộ Y tế về công tác dân số trong tình hình mới theo hướng chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển, phát huy lợi thế dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số.

- Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chế độ khuyến khích tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số.

- Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ Thanh tra chuyên ngành dân số.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện nghiêm công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi; ngăn ngừa có hiệu quả việc lạm dụng khoa học công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi. Thanh tra chuyên ngành chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dân số, đặc biệt nội dung giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

b) Sở Tư pháp: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan có liên quan tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành liên quan đến lĩnh vực dân số để đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới; hướng dẫn đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố phù hợp với các quy định của pháp luật; phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật pháp luật về dân số; tăng cường công tác quản lý hộ tịch, nuôi con nuôi.

c) Sở Văn hóa và Thể thao:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn liên quan nhằm phát huy giá trị văn hoá tốt đẹp, xây dựng gia đình văn hóa, phòng chống bạo lực gia đình; xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, đồng thời đưa các chuẩn mực, giá trị xã hội mới về gia đình hạnh phúc vào các quy chế, quy định trong hoạt động lễ hội, thờ tự, cưới hỏi, tang lễ..., các hương ước, quy ước của cộng đồng, dòng tộc; Hướng dẫn lồng ghép các nội dung công tác dân số trong tình hình mới với công tác gia đình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, du lịch và thiết chế văn hóa cơ sở.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030.

d) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện Luật Người cao tuổi, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Lao động, Luật Bình đẳng giới và các luật có liên quan nhằm thực hiện hiệu quả việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động là người cao tuổi; giám sát các hoạt động chăm sóc người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng, các cơ sở nuôi dưỡng người cao tuổi trên địa bàn toàn tỉnh.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các quy định về tiêu chí, cơ chế, quy trình lồng ghép các yếu tố dân số, bao gồm cả quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từng ngành, từng địa phương.

- Nghiên cứu, rà soát, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh các quy hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, khu công nghiệp,... của địa phương phù hợp với hiện trạng và xu hướng vận động của các yếu tố dân số, bảo đảm phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng của từng vùng và trong chiến lược tổng thể xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Tiếp tục xây dựng các chính sách để tác động tới sự phân bố lại dân số hợp lý từng vùng, từng địa phương và trên phạm vi toàn tỉnh.

e) Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu quản lý dân cư trên địa bàn tỉnh gắn với hệ thống quốc gia thống nhất dùng chung.

g) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan rà soát, bổ sung các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ thoả đáng, thu hút, tạo điều kiện cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài tại vùng đặc biệt khó khăn, khu vực trọng yếu về an ninh, quốc phòng, theo các đề án của Bộ Quốc phòng.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số:

a) Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương triển khai xây dựng và thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030; Nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, tập huấn kiến thức, kỹ năng tư vấn cho đội ngũ cán bộ dân số, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ y tế; Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030,...

- Rà soát, nghiên cứu, đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, đặc biệt công nghệ y - sinh học, công nghệ thông tin trong triển khai và quản lý dịch vụ dân số.

- Tham gia rà soát, kiến nghị với Bộ Y tế sửa đổi và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, quy định về các dịch vụ dân số, bao gồm: Phương tiện, dịch vụ kế hoạch hoá gia đình; tư vấn, khám sức khoẻ trước hôn nhân; tầm soát, chẩn đoán và điều trị một số bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; chăm sóc người cao tuổi...

b) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch Đề án sắp xếp lại hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hoá, tạo lập môi trường thân thiện, hoà nhập giữa các nhóm đối tượng với xã hội; kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường quản lý nhà nước, đảm bảo khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản cho người lao động tại các khu công nghiệp, khu đô thị; kế hoạch thực hiện Đề án phát huy lợi thế dân số vàng và thích ứng với già hoá dân số (sau khi có Đề án của Chính phủ).

- Tham gia rà soát, kiến nghị với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chính sách hỗ trợ người lao động trong đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ, đặc biệt đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, nông dân tham gia xuất khẩu lao động.

- Đẩy mạnh chương trình tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị, tăng thời gian sử dụng lao động ở khu vực nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường xuất khẩu lao động. Duy trì, củng cố thị trường xuất khẩu lao động truyền thống, mở rộng xuất khẩu lao động sang các thị trường mới.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo mở rộng, nâng cao hiệu quả giáo dục đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề, gắn với nhu cầu của thị trường lao động. Đánh giá, xếp hạng các cơ sở đào tạo nghề, trong đó lấy tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với nghề được đào tạo là tiêu chí chủ yếu.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, tham mưu cho cấp có thẩm quyền hoàn thiện các Đề án, chính sách về giáo dục từ mầm non trở lên để bổ sung các nội dung, hoạt động liên quan đến nâng cao chất lượng dân số, tầm vóc thể lực con người trên địa bàn.

d) Sở Văn hóa và Thể thao: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, tham mưu cho cấp có thẩm quyền hoàn thiện các Đề án, chính sách về văn hoá, thể dục, thể thao..., góp phần nâng cao chất lượng dân số theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW.

đ) Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, tham mưu cho cấp có thẩm quyền hoàn thiện các chính sách về di dân, tái định cư, chương trình nước sạch nông thôn, an toàn thực phẩm trong nông nghiệp; bổ sung các chương trình, dự án để hỗ trợ, tạo điều kiện cho người di cư ổn định cuộc sống, tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản.

e) Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan rà soát, tham mưu cho cấp có thẩm quyền điều chỉnh, hoàn thiện Quy hoạch các khu đô thị, nhà ở, nước sạch đô thị của tỉnh, từng vùng, địa phương; các thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn về nhà ở và công trình công cộng; quy hoạch,

thiết kế hệ thống giao thông, phương tiện vận chuyển công cộng đảm bảo phù hợp với người cao tuổi, người khuyết tật.

g) Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, đặc biệt công nghệ y - sinh học, công nghệ thông tin trong triển khai và quản lý dịch vụ dân số. Xây dựng và thực hiện Đề án nâng cao năng lực nghiên cứu về dân số và phát triển.

5. Đảm bảo nguồn lực cho công tác dân số:

a) Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư xây dựng, vận hành các cơ sở dịch vụ nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc người cao tuổi; sản xuất, phân phối phương tiện tránh thai.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Y tế đảm bảo cân đối đủ nguồn kinh phí (do ngân sách Nhà nước bảo đảm và các nguồn vốn ngoài ngân sách) cho công tác dân số để thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số và phát triển giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

- Rà soát, bổ sung chương trình vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn viện trợ từ tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ cho các chương trình, dự án về dân số và phát triển.

c) Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn lực để triển khai đồng bộ, toàn diện các nhiệm vụ của Đề án này. Chú trọng cân đối ngân sách cho các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số, quan tâm ưu tiên các đối tượng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành nội dung và định mức chi các hoạt động dân số đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trong từng giai đoạn.

6. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số:

a) Sở Y tế:

- Kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy làm công tác dân số hiện nay theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, thực hiện chức năng quản lý và điều phối có hiệu quả công tác dân số trong tình hình mới. Tổ chức bộ máy làm công tác dân số

phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất theo ngành.

- Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, cán bộ làm công tác hoạch định chính sách ở các cấp, các ngành trong tỉnh.

- Rà soát, xây dựng, tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành chính sách đãi ngộ thoả đáng đối với đội ngũ công tác viên ở thôn, bản, tổ dân phố... để đội ngũ này yên tâm công hiến và hoạt động có hiệu quả.

- Tiếp tục chuẩn hoá đội ngũ cán bộ dân số các cấp, các ngành, đáp ứng yêu cầu chuyển hướng trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển. Thực hiện mã ngành, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng làm cơ sở cho tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp.

- Đơn giản hoá các thủ tục hành chính. Củng cố cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; nâng cấp công nghệ thông tin điện tử về dân số, tích hợp các hệ thống phần mềm ứng dụng trong các dịch vụ và quản lý công tác dân số, nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng, khai thác thông tin về dân số và phát triển. Ưu tiên phát triển cung cấp dịch vụ dân số qua mạng, tạo thuận lợi cho người dân.

- Bổ sung, mở rộng hệ thống chỉ tiêu về dân số và phát triển vào Tổng điều tra, điều tra đầu kỳ, giữa kỳ và hàng năm. Hoàn thiện hệ thống thống kê, cơ sở dữ liệu về dân số nhằm cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

b) Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Y tế xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch thực hiện các Đề án: Mô hình tổ chức bộ máy chuyên trách làm công tác dân số các cấp; nghiên cứu, xây dựng tổ chức và cơ chế phối hợp liên ngành đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng, chính quyền, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý liên quan đến dân số và phát triển (sau khi các đề án được phê duyệt).

- Phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể liên quan và các địa phương thực hiện các mô hình thí điểm theo chỉ đạo của Trung ương.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế: Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành có liên quan tham gia xây dựng, tổ chức đàm phán, thực hiện các chương trình, dự án dân số và phát triển nhằm tranh thủ sự hỗ

trợ về tài chính, kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, chính phủ các nước, các tổ chức phi chính phủ cho công tác dân số phát triển trên địa bàn tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Do ngân sách tỉnh đảm bảo cho hoạt động công tác dân số và phát triển và được bố trí trong dự toán hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

1. Kinh phí ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: 85 tỷ đồng (*Bằng chữ: Tám mươi lăm tỷ đồng*).

2. Kinh phí ngân sách giai đoạn 2026-2030: 90 tỷ đồng (*Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng*).

(Có Phụ lục II đính kèm).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, cơ quan, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo và kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ, có hiệu quả kế hoạch này.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam; Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Truyền thông dân số đến năm 2030; Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030"; Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030; Quyết định số 2324/QĐ-BYT ngày 05/6/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030; Quyết định số 2235/QĐ-BYT ngày 29/5/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030; Quyết định 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Quyết định 2259/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030; Quyết định số

1848/QĐ-TTg ngày 19/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thực hiện Đề án Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017-2025; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 20/01/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi của tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030; Kế hoạch số 143/KH-UBND ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về triển khai Đề án tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản đến năm 2030; Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND về việc ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 của tỉnh Thừa Thiên Huế; Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh về triển khai Đề án tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2021- 2025; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình Truyền thông dân số của tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch hành động thực hiện Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD của tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030,...

2. Sở Tư pháp: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các ngành liên quan tổng hợp danh mục các văn bản quy phạm pháp luật cần ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh để đề xuất đưa vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh.

3. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

- Tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án về bình đẳng giới, bảo trợ xã hội, người cao tuổi, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và xóa đói giảm nghèo; sắp xếp lại hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, tạo lập môi trường thân thiện, hòa nhập giữa các nhóm đối tượng với xã hội; tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người, người di cư.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

- Nhân rộng mô hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau theo Quyết định số 1533/QĐ-TTg ngày 02/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Phối hợp với Sở Y tế, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các sở, ngành, cơ quan, địa phương làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội về dân số và phát triển để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Chương trình hành động đã đề ra.

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí, thông tin tuyên truyền kịp thời đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số và phát triển; phối hợp với Sở Y tế, các bộ, ngành, địa phương triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của bộ, ngành, địa phương để khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai kết nối liên thông Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương.

5. Sở Văn hóa và Thể thao: Tiếp tục triển khai có hiệu quả Luật Hôn nhân và Gia đình; Chiến lược phát triển Gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (Quyết định số 629/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ); Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030 (Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ).

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới gắn với nội dung dân số và phát triển.

7. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan xây dựng, triển khai các chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp tỉnh về dân số và phát triển trong tình hình mới.

8. Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án về thanh niên trên địa bàn tỉnh. Sắp xếp mô hình tổ chức, bố trí nhân sự hợp lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác dân số trong tình hình mới.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế tại địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban ngành liên quan đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh, sinh viên, nhất là trong các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, bảo đảm hình thành kiến thức và kỹ năng đúng đắn có hệ thống cho thế hệ trẻ. Phối hợp triển khai có hiệu quả các chương trình dinh dưỡng, sửa học đường.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch đầu tư phát triển; xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về lồng ghép các yếu tố dân số, bao gồm cả quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Y tế huy động nguồn vốn, dự án cho các chương trình, đề án, dự án liên quan đến lĩnh vực dân số.

11. Sở Tài chính: Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hằng năm theo tiến độ thực hiện các nội dung của các chính sách, chương trình, đề án về lĩnh vực dân số.

12. Sở Tài Nguyên và Môi trường: Chủ trì và phối hợp với ban, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện các chính sách, đề án về chương trình xử lý ô nhiễm môi trường nước, chương trình nước sạch vệ sinh môi trường.

13. Cục Thống kê tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo việc thu thập, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các số liệu về dân số làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

14. Ban Dân tộc:

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2025 (Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ) và Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Hỗ trợ hoạt động Bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025.

- Chủ trì và phối hợp với Sở Tư pháp, các ban, ngành liên quan tham mưu ban hành chế tài xử lý nghiêm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống đối với cá nhân, gia đình và chính quyền cơ sở.

15. Thanh tra tỉnh: Phối hợp Sở Y tế tiếp tục đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ thanh tra chuyên ngành về dân số.

16. Đài Phát thanh- Truyền hình Thừa Thiên Huế, Báo Thừa Thiên Huế và các cơ quan thông tin đại chúng khác:

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền rộng rãi nội dung của Nghị quyết số 21-NQ/TW và các chương trình, kế hoạch hành động của Chính phủ, Tỉnh

ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất nhận thức và sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân về chủ trương chuyển hướng chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển.

- Phối hợp với Sở Y tế thực hiện kế hoạch tuyên truyền, vận động trên các phương tiện thông tin đại chúng theo định kỳ; tổ chức tập huấn về nội dung, phương pháp tuyên truyền cho cộng tác viên, phóng viên làm công tác truyền thông.

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, thường xuyên, liên tục tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về dân số và phát triển trong toàn xã hội.

17. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chủ động chỉ đạo, tổ chức thực hiện, bố trí đủ nguồn lực từ ngân sách địa phương thực hiện toàn diện, đồng bộ công tác dân số đã được phân cấp theo quy định. Ban hành theo thẩm quyền cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích, chỉ đạo điều hành các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân và nhân dân thực hiện, cung cấp các dịch vụ dân số phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế ở địa phương.

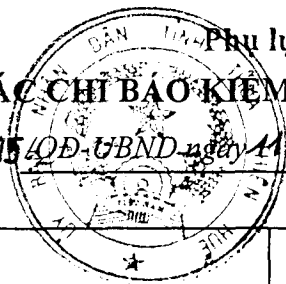
18. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Kế hoạch hóa gia đình và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận, các tổ chức xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phổ biến, vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác dân số. Giám sát, tổ chức triển khai thực hiện Đề án này.

Yêu cầu Giám đốc các sở, ban ngành; Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, thẩm quyền và nhiệm vụ được giao xây dựng, ban hành kế hoạch, đề án về công tác dân số trong tình hình mới. Đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai Đề án này và của từng sở, ngành, cơ quan, địa phương; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Y tế trước ngày 05 tháng 12 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các sở, ngành, cơ quan, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Y tế để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I
CÁC CHỈ BÁO KIỂM ĐỊNH MỤC TIÊU

(Kèm theo Quyết định số ~~1445/QĐ-UBND~~ ngày ~~11~~ tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Chỉ báo	Đơn vị tính	Mục tiêu cần đạt năm 2025	Mục tiêu cần đạt năm 2030
1	Mục tiêu 1: Quy mô dân số, đạt mức sinh thay thế			
1.1	Quy mô dân số	Người	1,152,000	1,178,000
1.2	Giảm sinh	‰	Giảm 0,2‰/năm	Giảm 0,15‰/năm
1.3	Tổng tỷ suất sinh	Con/phụ nữ	2.24	2.1
1.4	Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên xuống còn	%	12.5	10
1.5	Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) đang sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại	%	73	75
2	Mục tiêu 2: Nâng cao chất lượng dân số			
2.1	Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn	%	70	90
2.2	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất	%	50	70
2.3	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất	%	70	90
2.4	Giảm tỷ lệ tảo hôn xuống	%	3	1
2.5	Xóa bỏ hôn nhân cận huyết thống	%	Cơ bản xóa bỏ hôn nhân cận huyết thống	Không còn hôn nhân cận huyết thống
2.6	Tuổi thọ trung bình của người dân	Năm	73	74
2.7	Thời gian (tuổi thọ) sống khỏe tối thiểu	Năm	67	68
2.8	Tỷ lệ người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung	%	100	Duy trì

STT	Chỉ báo	Đơn vị tính	Mục tiêu cần đạt năm 2025	Mục tiêu cần đạt năm 2030
3	Mục tiêu 3: Cơ cấu dân số và phân bố dân số hợp lý			
3.1	Tỷ số giới tính khi sinh đạt dưới	Số bé trai/100 bé gái sinh ra sống	109	108
3.2	Tỷ lệ dân số đô thị	%	62-65	65-70

Phụ lục II
KINH PHÍ TỔNG ĐẦU TƯ CHO CÔNG TÁC DS-KHHGD

(Kèm theo Quyết định số: ~~1445~~ 1445 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

TT	Chương trình	Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2021-2030																		Ghi chú			
		Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Giai đoạn 2021-2025				Giai đoạn 2026-2030		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			T. cộng	Ngân sách	
			TW	Tỉnh		TW	Tỉnh		TW	Tỉnh		TW	Tỉnh		TW	Tỉnh		TW	Tỉnh			TW	Tỉnh
	Tổng cộng	19,600	2,600	17,000	19,600	2,600	17,000	19,600	2,600	17,000	20,600	3,600	17,000	20,600	3,600	17,000	100,000	15,000	85,000	108,000	18,000	90,000	
1	Hoạt động sự nghiệp Y tế	13,500	900	12,600	13,500	900	12,600	13,500	900	12,600	13,800	1,200	12,600	13,800	1,200	12,600	68,100	5,100	63,000	71,000	6,000	65,000	
1	Phụ cấp CTV (Theo QĐ 84/2017/QĐ-UBND: Mức lương cơ bản x 0,2 x 12 tháng x 2090 CTV)	7,500	0	7,500	7,500	0	7,500	7,500	0	7,500	7,500	0	7,500	7,500	0	7,500	37,500	0	37,500	37,500	0	37,500	Hiện tại tính mức lương cơ bản: 1490*0,2/tháng*12*2090 CTV = 7.473.840
2	Hỗ trợ triết sản và kip phẫu thuật (Theo QĐ 84/2017/QĐ-UBND: 280 x 1100d/ca)	300	0	300	300	0	300	300	0	300	300	0	300	300	0	300	1,500	0	1,500	1,500	0	1,500	
3	Các hoạt động cung cấp dịch vụ DS-KHHGD	500	200	300	500	200	300	500	200	300	500	200	300	500	200	300	2,500	1,000	1,500	2,500	1,000	1,500	
4	Hệ thống thông tin chuyên ngành	500	200	300	500	200	300	500	200	300	600	300	300	600	300	300	2,700	1,200	1,500	3,000	1,500	1,500	
5	Các hoạt động quản lý các cấp; Hoạt động BCĐ; Khuyến khích cộng đồng; NCKH; Điều tra, kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá và các hoạt động khác...	800	0	800	800	0	800	800	0	800	800	0	800	800	0	800	4,000	0	4,000	4,000	0	4,000	
6	Chương trình truyền thông chuyển đổi hành vi về công tác Dân số và Phát triển	3,900	500	3,400	3,900	500	3,400	3,900	500	3,400	4,100	700	3,400	4,100	700	3,400	19,900	2,900	17,000	22,500	3,500	19,000	
II	Các đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt	3.700	900	2.800	3.700	900	2.800	3.700	900	2.800	4.000	1.200	2.800	4.000	1.200	2.800	19.100	5.100	14.000	23.000	6.000	17.000	
1	Đề án Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh	1,900	400	1,500	1,900	400	1,500	1,900	400	1,500	2,000	500	1,500	2,000	500	1,500	9,700	2,200	7,500	11,500	2,500	9,000	
2	Đề án Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho VTN, TN	900	300	600	900	300	600	900	300	600	1,000	400	600	1,000	400	600	4,700	1,700	3,000	5,500	2,000	3,500	

TT	Chương trình	Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2021-2030																				Ghi chú	
		Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			Giai đoạn 2021-2025			Giai đoạn 2026-2030			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		T. cộng	Ngân sách		
			TW	Tinh		TW	Tinh		TW	Tinh		TW	Tinh		TW	Tinh		TW	Tinh		TW		Tinh
3	Đề án Chăm sóc Người cao tuổi	900	200	700	900	200	700	900	200	700	1,000	300	700	1,000	300	700	4,700	1,200	3,500	6,000	1,500	4,500	
III	Xây dựng các đề án, KH hành động đến năm 2030:	2,400	800	1,600	2,400	800	1,600	2,400	800	1,600	2,800	1,200	1,600	2,800	1,200	1,600	12,800	4,800	8,000	14,000	6,000	8,000	
1	ĐA Điều chỉnh mức sinh giữa các vùng, đối tượng đến năm 2030	600	200	400	600	200	400	600	200	400	700	300	400	700	300	400	3,200	1,200	2,000	3,500	1,500	2,000	
2	ĐA Củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ KHIIGĐ đến năm 2030	600	200	400	600	200	400	600	200	400	700	300	400	700	300	400	3,200	1,200	2,000	3,500	1,500	2,000	
3	ĐA tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030	600	200	400	600	200	400	600	200	400	700	300	400	700	300	400	3,200	1,200	2,000	3,500	1,500	2,000	
4	ĐA Củng cố hệ thống thông tin thống kê chuyên ngành dân số đến năm 2030.	600	200	400	600	200	400	600	200	400	700	300	400	700	300	400	3,200	1,200	2,000	3,500	1,500	2,000	